

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 35
8. Phụ lục	36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 06 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 01 năm 2008; thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2009; thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 10 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 03 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 3 năm 2010; thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 7 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh đồng thời thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	82.500.000.000	17,01
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	41.250.000.000	8,51
Các cổ đông khác	361.224.700.000	74,48
Cộng	484.974.700.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 04 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là DTL.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 - 650) 3 732 981 – 3 732 982
Fax : (84 - 650) 3 732 980
E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3700381282

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc – Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh

Địa chỉ

507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu;
- Mua bán sắt thép các loại, vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng;
- Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê kho bãi;
- Sản xuất, lắp dựng các cấu kiện sắt thép, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng nhà các loại;
- Thi công hệ thống điện nước công trình;
- Vận chuyển hàng hóa nội bộ;
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dân cư đô thị; Cho thuê kho bãi.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã mua lại 2.500.000 cổ phiếu quỹ với giá mua và chi phí mua là 45.818.321.548 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	9.380.758.427 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	362.200.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.286.406.742 VND
- Chia cổ tức đợt 2	96.974.940.000 VND
Cộng	114.004.305.169 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty đã tạm chia cổ tức năm 2011 với tổng số tiền là 48.002.270.000 VND (1.000 VND/cổ phiếu).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01 tháng 6 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	01 tháng 6 năm 2007	28 tháng 4 năm 2011
	Phó chủ tịch	28 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Anh Thi	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	11 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	-
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Hồng Nhung	Trưởng ban	29 tháng 4 năm 2010	11 tháng 4 năm 2011
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13 tháng 6 năm 2009	11 tháng 4 năm 2011
	Trưởng ban	11 tháng 4 năm 2011	-
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	11 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15 tháng 4 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 4 năm 2004	4 tháng 4 năm 2011
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0758/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 03 tháng 8 năm 2011, từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		863.328.197.802	1.569.769.462.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.242.685.811	8.792.394.139
1. Tiền	111		11.242.685.811	8.792.394.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.350.082.337	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.350.082.337	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.274.451.542	61.644.316.400
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	40.025.813.719	55.160.088.538
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.720.141.288	3.100.048.242
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5.838.055.492	7.256.462.840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.309.558.957)	(3.872.283.220)
IV. Hàng tồn kho	140		766.940.595.056	1.449.180.959.238
1. Hàng tồn kho	141	V.7	766.940.595.056	1.449.180.959.238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.520.383.056	48.151.793.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	154.831.568	110.449.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.341.056.625	24.514.982.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	37.024.494.863	23.526.360.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		450.951.165.128	391.746.978.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		286.079.058.252	259.819.419.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	63.347.187.708	62.615.253.867
Nguyên giá	222		95.852.968.041	88.960.424.242
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.505.780.333)	(26.345.170.375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	4.261.943.532
Nguyên giá	225		-	5.455.287.708
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(1.193.344.176)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	62.848.885.619	63.046.667.105
Nguyên giá	228		64.361.546.808	64.361.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.512.661.189)	(1.314.879.703)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	159.882.984.925	129.895.555.046
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		164.872.106.876	131.363.058.881
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	165.979.290.381	129.235.748.881
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	61.257.795	2.127.310.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(1.168.441.300)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	564.500.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	564.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.314.279.362.930	1.961.516.441.402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		566.513.619.826	1.166.972.664.757
I. Nợ ngắn hạn	310		555.229.362.526	1.155.854.554.457
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	417.578.106.521	1.021.451.537.924
2. Phải trả người bán	312	V.18	56.874.170.692	87.839.601.637
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	2.669.863.996	11.016.641.530
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	52.726.218.069	21.495.932.410
5. Phải trả người lao động	315	V.21	1.033.573.498	1.015.607.724
6. Chi phí phải trả	316	V.22	6.031.353.266	3.423.658.215
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	12.884.068.659	8.677.015.464
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	5.432.007.825	934.559.553
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.284.257.300	11.118.110.300
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	10.957.958.200	10.786.237.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		326.299.100	331.873.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		747.765.743.104	794.543.776.645
I. Vốn chủ sở hữu	410		747.765.743.104	794.543.776.645
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	484.974.700.000	484.974.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	151.238.500.000	151.238.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(45.948.321.548)	(130.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	17.239.269.021	7.858.510.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.26	2.066.269.837	1.903.869.837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	138.195.325.794	148.698.196.214
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.314.279.362.930	1.961.516.441.402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		37.162,81	39.333,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2011



Vũ Thị Vui
Người lập biểu



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.228.951.663.837	901.502.226.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	1.393.734.128	160.022.756
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.227.557.929.709	901.342.203.962
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	963.910.209.248	747.961.293.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		263.647.720.461	153.380.910.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	7.580.511.842	136.348.251.494
7. Chi phí tài chính	22	VL4	80.744.439.893	60.257.873.185
Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.729.574.917	31.497.660.685
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	10.616.047.195	9.728.939.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	12.992.998.033	11.984.824.450
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.874.747.181	207.757.525.243
11. Thu nhập khác	31		21.943.643	237.068.071
12. Chi phí khác	32	VL7	364.639.181	7.854.282
13. Lợi nhuận khác	40		(342.695.538)	229.213.789
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.532.051.643	207.986.739.032
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	14.947.075.213	14.633.488.359
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>151.584.976.431</u>	<u>193.353.250.673</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	-	-


Vũ Thị Vui
Người lập biểu

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166.532.051.643	207.986.739.032
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11; V.12	5.165.047.268	4.791.278.875
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.16	1.605.717.037	(414.120.064)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	4.014.121.371	(6.673.377.638)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.141.554.721)	(127.875.889.946)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	43.729.574.917	31.497.660.685
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		218.904.957.515	109.312.290.944
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.690.177.902	(72.942.003.809)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		682.240.364.182	(158.222.805.602)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.869.443.642)	(81.432.891.388)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(44.381.569)	724.190.274
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22; VI.4	(40.818.149.821)	(29.721.236.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(244.669.467)	(15.370.207.927)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		199.569.595.061	763.359.396.038
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(216.289.203.758)	(734.981.409.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		865.139.246.403	(219.274.677.520)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.13	(31.424.685.970)	(5.386.010.543)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(36.743.541.500)	(2.150.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15	2.066.052.205	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.141.554.721	14.965.963.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63.960.620.544)	7.429.652.670

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.26	(45.818.321.548)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17;V.25	436.355.559.002	957.525.648.914
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17;V.25	(1.043.820.863.274)	(729.257.009.240)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.17	(850.399.999)	(938.400.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(145.000.284.000)	(17.458.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(799.134.309.819)	209.872.239.674
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.044.316.040	(1.972.785.176)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.792.394.139	12.130.678.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		405.975.632	(229.218.000)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.242.685.811	9.928.675.396

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2011

Vũ Thị Vui
Người lập biểuVũ Thành Nam
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 396 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 330 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã mua lại 2.500.000 cổ phiếu quỹ với giá mua và chi phí mua là 45.818.321.548 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 08 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

30/6/2011 : 20.618 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	300.070.223	552.608.004
Tiền gửi ngân hàng	10.942.615.588	8.239.786.135
Cộng	11.242.685.811	8.792.394.139

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre (*)	19.973	350.082.337	-	-
Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		2.000.000.000		2.000.000.000
Cộng		2.350.082.337		2.000.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre tăng do mua thêm 19.973 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 350.082.337 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	36.025.842.050	50.857.979.005
Tại Chi nhánh Bà Rịa	340.434.886	236.777.231
Tại Chi nhánh Long Mỹ	1.245.711.549	1.465.008.218
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	776.315.870	786.916.875
Tại Chi nhánh Vị Thanh	1.637.509.364	1.813.407.209
Cộng	40.025.813.719	55.160.088.538

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước nguyên vật liệu	1.053.191.168	2.419.699.598
Trả trước các dịch vụ khác	666.950.120	680.348.644
Cộng	1.720.141.288	3.100.048.242

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền cho vay	647.007.250	652.232.250
Thuế nhập khẩu được hoàn	4.670.061.161	5.345.913.607
Các khoản phải thu khác	520.987.081	1.258.316.983
Cộng	5.838.055.492	7.256.462.840

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	1.131.929.078
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	1.611.294.956
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.874.591.096	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	2.434.967.861	1.129.059.186
Cộng	4.309.558.957	3.872.283.220

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.872.283.220
Trích lập dự phòng bổ sung	437.275.737
Số cuối kỳ	4.309.558.957

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	11.431.138.850	-
Nguyên liệu, vật liệu	193.784.579.472	422.836.046.369
Công cụ, dụng cụ	6.352.767.337	5.695.233.953
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.077.501.031
Thành phẩm	302.187.462.544	267.195.861.475
Hàng hóa	253.184.646.853	751.376.316.410
Cộng	766.940.595.056	1.449.180.959.238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa,... có giá trị là USD 13,327,835.45 và 84.184.110.777 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	6.636.364	-
Chi phí sửa chữa dàn mạ kẽm	148.195.204	110.449.999
Cộng	154.831.568	110.449.999

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	667.787.318	954.275.158
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.248.794.452	22.464.172.584
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.913.093	107.913.093
Cộng	37.024.494.863	23.526.360.835

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.931.484.163	50.340.102.368	20.541.689.390	1.147.148.321	88.960.424.242
Mua sắm mới	-	375.000.000	833.822.455	177.263.636	1.386.086.091
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	5.506.457.708	-	5.506.457.708
Số cuối kỳ	16.931.484.163	50.715.102.368	26.881.969.553	1.324.411.957	95.852.968.041
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	229.775.509	-	383.177.786	612.953.295
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.027.874.859	16.124.949.985	4.577.483.920	614.861.611	26.345.170.375
Khấu hao trong kỳ	601.829.402	2.670.115.925	1.326.519.035	75.801.352	4.674.265.714
Khấu hao lũy kế của TSCĐ thuê tài chính	-	-	1.486.344.244	-	1.486.344.244
Số cuối kỳ	5.629.704.261	18.795.065.910	7.390.347.199	690.662.963	32.505.780.333
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.903.609.304	34.215.152.383	15.964.205.470	532.286.710	62.615.253.867
Số cuối kỳ	11.301.779.902	31.920.036.458	19.491.622.354	633.748.994	63.347.187.708
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 43.307.604.191 VND và 30.992.527.508 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	1.193.344.176	4.261.943.532
Tăng trong kỳ	-	293.000.068	
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.455.287.708)	(1.486.344.244)	
Số cuối kỳ	-	-	-

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	64.270.247.808	91.299.000	64.361.546.808
Số cuối kỳ	64.270.247.808	91.299.000	64.361.546.808
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.292.054.957	22.824.746	1.314.879.703
Khấu hao trong kỳ	192.075.300	5.706.186	197.781.486
Số cuối kỳ	1.484.130.257	28.530.932	1.512.661.189
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.978.192.851	68.474.254	63.046.667.105
Số cuối kỳ	62.786.117.551	62.768.068	62.848.885.619
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	12.290.600.700	-	12.290.600.700
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê: Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê: 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Nguyên giá theo sổ sách 2.840.127.030 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách 2.101.545.998 VND

- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
- Thời hạn thuê : 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Nguyên giá theo sổ sách 49.139.520.078 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách 43.811.442.618 VND
- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội.
 - Nguyên giá theo sổ sách 8.400.600.700 VND
 - Giá trị còn lại theo sổ sách 7.742.286.387 VND
- Lô đất 830 m² tọa lạc tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 2.490.000.000 VND.
- Hai lô đất 192,7 m² và 417,48 m² tọa lạc tại đường Trần Hưng Đạo, ấp 1 thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo các hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng ngày 22 tháng 12 năm 2009. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 1.400.000.000 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	44.093.234.364	12.680.988.508	(17.946.319)	56.756.276.553
XDCB dở dang	85.802.320.682	17.240.722.440	-	103.043.043.122
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	83.678.305	(13.055)	83.665.250
Cộng	129.895.555.046	30.005.389.253	(17.959.374)	159.882.984.925

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc ⁽ⁱ⁾	-	9.194.000.000	-	382.000.000
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc ⁽ⁱⁱ⁾	-	156.785.290.381	-	128.853.748.881
Cộng		165.979.290.381		129.235.748.881

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư 8.812.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 VND, tương đương 61,29% vốn điều lệ (số đầu năm là 382.000.000 VND, tương đương 2,55% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc là 5.806.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc 300.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư 27.931.541.500 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 156.785.290.381 VND, tương đương 52,26% vốn điều lệ (số đầu năm là 128.853.748.881 VND, tương đương 42,95% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc là 143.214.709.619 VND.

Công ty đã làm thủ tục đăng ký kinh doanh thành lập Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc theo bản hợp Hội đồng quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, việc góp vốn thành lập Công ty con trên chưa thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	3.614	61.257.795	119.147	2.127.310.000
Cộng		61.257.795		2.127.310.000

Trong kỳ, Công ty đã bán 121.890 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với giá bán là 4.035.000.000 VND.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con		
- Công ty TNHH một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	180.060.243	-
- Công ty TNHH một thành viên Thép Đại Thiên Lộc	988.381.057	-
Cộng	1.168.441.300	-

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	316.274.590.921	916.304.434.725
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương	106.249.949.696	103.821.139.452
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	6.721.859.742	92.704.722.433
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	98.592.622.051	192.351.903.126
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội	10.160.426.692	97.255.592.681
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương	93.549.732.740	238.460.832.313
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	42.093.877.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	-	37.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	1.000.000.000	111.816.367.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	1.875.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh V.25)	1.303.515.600	2.421.003.200
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.25)	-	850.399.999
Trái phiếu đến hạn trả ⁽ⁱⁱ⁾	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	417.578.106.521	1.021.451.537.924

- (i) Khoản vay các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hoá.
- (ii) Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	916.304.434.725	435.729.559.002	-	4.012.091.368	(1.039.771.494.174)	316.274.590.921
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.875.700.000	-	-	-	(1.875.700.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.421.003.200	-	70.012.000	-	(1.187.499.600)	1.303.515.600
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	850.399.999	-	-	-	(850.399.999)	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000
Cộng	1.021.451.537.924	435.729.559.002	70.012.000	4.012.091.368	(1.043.685.093.773)	417.578.106.521

18. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	55.877.993.328	86.698.200.938
Tại Chi nhánh Bà Rịa	32.167.219	32.167.219
Tại Chi nhánh Long Mỹ	29.010.293	20.450.364
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	226.620.758	226.620.758
Tại Xí nghiệp cơ khí	398.966.782	503.585.142
Tại Chi nhánh Vị Thanh	309.412.312	358.577.216
Cộng	56.874.170.692	87.839.601.637

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	1.806.419.313	10.264.219.229
Tại Chi nhánh Bà Rịa	39.661.461	12.984.691
Tại Chi nhánh Long Mỹ	3.701.597	6.315.326
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	729.403.448	719.201.089
Tại Chi nhánh Vị Thanh	90.678.177	13.921.195
Cộng	2.669.863.996	11.016.641.530

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.732.763	29.488.621.634	(11.372.173.863)	18.139.180.534
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	23.895.412.637	(23.895.412.637)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.031.912.884	2.295.999.664	(7.049.373.471)	4.278.539.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	11.052.100.927	14.952.475.374	(244.669.467)	25.759.906.834
Thuế tài nguyên	2.857.600	-	-	2.857.600
Thuế nhà đất	-	28.591.200	(28.591.200)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.386.328.236	3.419.368.640	(259.962.852)	4.545.734.024
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Cộng	21.495.932.410	74.087.469.149	(42.857.183.490)	52.726.218.069

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm số điều chỉnh do chênh lệch số đầu năm là 5.400.161 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2011, hoạt động thương mại và hoạt động sản xuất của Công ty đều được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.532.051.643	207.986.739.032
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	987.220.249
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(127.817.926.733)
Tổng thu nhập chịu thuế	166.532.051.643	81.156.032.548

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	68.245.198.059	32.317.255.878
- Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 20%)	98.286.853.584	-
- Thu nhập khác (thuế suất 25%)	-	48.838.776.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	29.894.150.426	17.057.282.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(14.947.075.213)	(2.423.794.191)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.947.075.213	14.633.488.359
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
21. Phải trả người lao động		
Lương tháng 6 và các khoản thưởng của người lao động chưa chi.		
22. Chi phí phải trả		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, trái phiếu	6.031.353.266	3.119.928.170
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	-	103.730.045
Chi phí khác	-	200.000.000
Cộng	6.031.353.266	3.423.658.215
23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	163.200.418	103.482.724
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	236.407.955	335.252.843
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc – thu hộ tiền hàng	2.147.399.707	1.609.449.034
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc – tiền mượn	5.365.547.754	1.957.713.849
Phải trả lâu năm không ai đòi	1.808.308.866	1.808.308.866
Cổ tức phải trả	1.850.550.000	1.847.668.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.312.653.959	1.015.140.148
Cộng	12.884.068.659	8.677.015.464
24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	934.559.553	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.286.406.742	
Tăng khác	54.853.500	
Chi quỹ	(2.843.811.970)	
Số cuối kỳ	5.432.007.825	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

25. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ⁽ⁱ⁾	1.023.327.200	1.093.339.200
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	9.358.631.000	9.692.898.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	576.000.000	-
Cộng	10.957.958.200	10.786.237.200

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp để thanh toán tiền đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Sóng Thần để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội để đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	1.303.515.600
Trên 01 năm đến 05 năm	10.957.958.200
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	12.261.473.800

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	10.786.237.200
Số tiền vay phát sinh	626.000.000
Chênh lệch tỷ giá	601.902.500
Số tiền vay đã trả	(986.169.500)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(70.012.000)
Số cuối kỳ	10.957.958.200

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 36.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	97.009.984.500
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	47.990.299.500
Cộng	145.000.284.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.497.470	48.497.470
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.497.470	48.497.470
- Cổ phiếu phổ thông	48.497.470	48.497.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.510.000	10.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.510.000	10.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.987.470	48.487.470
- Cổ phiếu phổ thông	45.987.470	48.487.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được dùng cho khoản dự phòng biến động nghĩa vụ phải nộp cho Cơ quan thuế.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.228.951.663.837	901.502.226.718
- Doanh thu bán hàng hóa	706.744.676.144	539.564.814.672
- Doanh thu bán thành phẩm	519.544.105.318	359.084.747.440
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.788.141	-
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	2.645.094.234	2.852.664.606
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.393.734.128)	(160.022.756)
- Hàng bán bị trả lại	(1.378.459.999)	(153.846.180)
- Giảm giá hàng bán	(15.274.129)	(6.176.576)
Doanh thu thuần	1.227.557.929.709	901.342.203.962
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	706.076.187.205	539.564.814.672
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	518.818.860.129	358.924.724.684
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.788.141	-
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	2.645.094.234	2.852.664.606

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	551.939.016.467	355.952.491.453
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	408.962.933.092	278.684.507.038
Giá vốn của nguyên vật liệu	3.008.259.689	113.324.294.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	963.910.209.248	747.961.293.392

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	97.552.454	43.979.857
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	172.606.926	-
Lãi đầu tư chứng khoán	1.968.947.795	-
Lãi tiền cho vay	-	57.963.213
Lợi nhuận được chia	-	127.817.926.733
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.341.404.667	1.755.004.053
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.673.377.638
Cộng	7.580.511.842	136.348.251.494

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	38.206.287.246	31.497.660.685
Chi phí lãi trái phiếu	5.523.287.671	-
Dự phòng đầu tư tài chính	1.168.441.300	-
Lãi mua hàng trả chậm	-	231.902.031
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.014.121.371	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.832.302.305	28.528.310.469
Cộng	80.744.439.893	60.257.873.185

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.117.081.554	1.655.571.947
Chi phí vật liệu, bao bì	1.161.793.121	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	60.199.206	146.986.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.079.979.516	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.862.182	356.921.113
Chi phí khác	6.025.131.616	7.569.460.069
Cộng	10.616.047.195	9.728.939.186

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.302.729.195	4.971.835.790
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	27.000.778	252.262.117
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.900.456	312.178.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.952.952.943	3.197.739.331
Chi phí khác	3.273.414.661	3.250.808.571
Cộng	12.992.998.033	11.984.824.450

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	364.639.181	-
Chi phí khác	-	7.854.282
Cộng	364.639.181	7.854.282

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	438.929.428.548	302.603.566.762
Chi phí nhân công	11.094.608.251	8.868.402.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.130.908.019	4.642.725.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.923.881.059	5.512.059.559
Chi phí khác	9.860.878.890	12.643.865.968
Cộng	471.939.704.767	334.270.620.274

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Mượn tiền	-	712.109.000
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Vay	-	29.919.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	-	-
Các cá nhân có liên quan	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng nợ phải trả	20.000.000.000	20.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	529.906.000	558.485.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	5.228.900	6.363.600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	848.400
Cộng	535.134.900	565.697.500

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa	-	541.862.452.950
Nhờ thu hộ tiền bán hàng	3.073.471.523	2.391.884.267
Mượn tiền, thu hộ phải trả	4.843.861.034	80.000.000
Chi hộ tiền nộp thuế giá trị gia tăng	-	2.713.722.408
Chuyển lợi nhuận	-	127.817.926.733
Hàng bán bị trả lại	4.637.291	-
Thu lại tiền hàng	-	546.552.066
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc		
Chi hộ tiền mua sắm tài sản cố định	-	28.597.520.000
Các khoản chi hộ khác	18.385.000	-
Mượn tiền, nhờ chi hộ phải trả	13.039.642.547	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc		
Phải thu tiền bán hàng	-	521.198.253
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bán hàng	676.438.478	741.186.038
<i>Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc</i>		
Phải thu tiền chi hộ	21.585.000	11.585.000
<i>Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc</i>		
Phải thu tiền chi hộ	2.644.000	2.644.000
Cộng nợ phải thu	700.667.478	1.276.613.291
<i>Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc</i>		
Phải trả tiền mượn, tiền thu hộ	1.458.411.957	357.550.923
Phải trả tiền chuyển trả dư	688.987.750	1.251.898.111
<i>Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc</i>		
Phải trả tiền mượn, chi hộ	5.365.547.754	1.957.713.849
Cộng nợ phải trả	7.512.947.461	3.567.162.883

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất thành phẩm
- Lĩnh vực thương mại hàng hóa
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất thành phẩm</u>	<u>Lĩnh vực thương mại hàng hóa</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>					
<i>Năm nay</i>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	518.818.860.129	706.076.187.205	2.662.882.375	-	1.227.557.929.709
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	7.632.502.445	7.081.095.418		(14.713.597.863)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.451.362.574	713.157.282.623	2.662.882.375	(14.713.597.863)	1.227.557.929.709

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất thành phẩm	Lĩnh vực thương mại hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	109.855.927.037	154.137.170.738	(345.377.314)	-	263.647.720.461
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(23.609.045.228)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					240.038.675.233
Doanh thu hoạt động tài chính					7.580.511.842
Chi phí tài chính					(80.744.439.893)
Thu nhập khác					21.943.643
Chi phí khác					(364.639.181)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(14.947.075.213)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					151.584.976.431
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.892.543.799	-	-	-	6.892.543.799
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.160.609.958	-	-	-	6.160.609.958
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					
	Lĩnh vực sản xuất thành phẩm	Lĩnh vực thương mại hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	507.403.180.866	253.184.646.853	-	-	760.587.827.719
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					553.691.535.211
Tổng tài sản					1.314.279.362.930
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất thành phẩm	Lĩnh vực thương mại hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					566.513.619.826
Tổng nợ phải trả					566.513.619.826
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	690.031.907.844	751.376.316.410	-	-	1.441.408.224.254
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					520.108.217.148
Tổng tài sản					1.961.516.441.402
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.166.972.664.757
Tổng nợ phải trả					1.166.972.664.757

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và nước ngoài

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Trong nước	867.405.581.931
Nước ngoài	360.152.347.778
Cộng	1.227.557.929.709

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Tài sản bộ phận lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Trong nước	6.892.543.799	1.138.614.092.510	1.810.169.640.892
Nước ngoài	-	8.443.081.207	17.983.741.629
Cộng	6.892.543.799	1.147.057.173.717	1.828.153.382.521

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2011


Vũ Thị Vui
Người lập biểu


Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	2.858.510.594	-	12.951.391.995	554.918.402.589
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000	-	-	-	-	(96.974.700.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(67.882.470.000)	(67.882.470.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	310.314.960.251	310.314.960.251
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	5.000.000.000	2.355.669.837	(9.710.986.032)	(2.355.316.195)
Tăng khác	-	-	-	-	(451.800.000)	-	(451.800.000)
Số dư cuối năm trước	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	7.858.510.594	1.903.869.837	148.698.196.214	794.543.776.645
Số dư đầu năm nay	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	7.858.510.594	1.903.869.837	148.698.196.214	794.543.776.645
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(45.818.321.548)	-	-	-	(45.818.321.548)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	151.584.976.431	151.584.976.431
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	9.380.758.427	362.200.000	(17.029.365.169)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(145.003.166.000)	(145.003.166.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(55.315.682)	(55.315.682)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(199.800.000)	-	(199.800.000)
Số dư cuối kỳ	484.974.700.000	151.238.500.000	(45.948.321.548)	17.239.269.021	2.066.269.837	138.195.325.794	747.765.743.104

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2011



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Vũ Thị Vui
Người lập biểu